TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2017/KDTM-ST Ngày 29-9-2017 V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạn.

2. Ông Lù Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2017/TLST-KDTM, ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B; Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 6 Sơn La – Hà Nội, đường L, tổ 5, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn V – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T; Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, ngõ 94, đường Đ, thị trấn S, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Địa chỉ văn phòng đại diện: Phòng 2412, Tòa nhà E, số 27, đường G, phường A, quận Y, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Sỹ H – Chức vụ: Tổng giám đốc; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ngày 20/3/2016, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T (bên A) và Doanh nghiệp tư nhân N (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B – bên B) đã tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TT-HV (bổ sung Hợp đồng số 14). Theo đó, bên bán sẽ bán và vận chuyển mặt hàng vật liệu xây dựng cho bên mua để thi công gói thầu số 6 "Xây dựng đoạn Km446-Km454+500, dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL37 (GDD2) đoạn Gia Phù – Cò Nòi, tỉnh Sơn La".

Các bên phải thực hiện theo đúng thỏa thuận tại khoản 3.3 Điều 3 Hợp đồng số 14 về thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T nhiều lần chậm trễ việc thanh toán các khoản công nợ hàng tháng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B. Sau khi hợp đồng mua bán vật liệu đã hoàn thành, đến tháng 10/2016, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B số tiền 1.728.448.822 đồng (có bảng đối chiếu khối lượng và công nợ kèm theo). Sau nhiều lần thông báo nhưng Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T không tiến hành thanh toán khoản nợ trên theo thỏa thuận.

Ngày 15/12/2016, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T có gửi thông báo số 01/1512/2016-CV/TT, hẹn đến 26/01/2017 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B. Đến nay đã quá thời hạn này nhưng Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T vẫn không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến hoạt động tài chính và kinh doanh của chúng tôi.

Do vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết, thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 1.728.448.822 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) và thanh toán lãi đối với khoản tiền nợ gốc từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/8/2017 theo lãi suất pháp luật quy định khi xảy ra tranh chấp là 1,125%/tháng/tổng số tiền nợ (lãi suất không quá 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước quy định). Cụ thể số tiền lãi tính đến ngày 30/8/2017 là 175.005.443,25 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T thanh toán là: 1.903.454.265,25 đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy hai mươi lăm đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án số 02/TB-TLVA ngày 03/7/2017, giấy triệu tập viết bản tự khai, thông báo về việc yêu cầu giao nộp bổ sung chứng cứ,…) cho Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T (tống đạt trực tiếp; ủy thác giao văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ), nhưng Công ty cổ phần

xây dựng và kỹ thuật T không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên toà, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016, thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B tổng số tiền gốc và tiền lãi (lãi tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/8/2017) là 1.903.454.265,25 đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy hai mươi lăm đồng).

Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B: buộc bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng và kỹ thuật T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B số tiền gốc là 1.728.448.822 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) và lãi suất theo quy định.

Các đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần (tống đạt trực tiếp) đến tham gia phiên tòa nhưng đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T vẫn không có mặt theo triệu tập của Tòa án (không có ủy quyền), do đó Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty cổ phần xây dựng và kỹ

thuật T, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thứ nhất, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận). Tại mục 6.2, điều 6 của Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016 giữa Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T với Doanh nghiệp tư nhân N (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B), hai bên đã tự nguyện thỏa thuận "Nếu phát sinh tranh chấp mà hai bên không tự thương lượng, giải quyết được thì một trong các bên có thể đưa vụ việc tranh chấp ra Tòa án thành phố Sơn La để giải quyết".

Thứ hai, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ quan hệ hợp đồng, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sơn La (Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện) giải quyết.

Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 20/3/2016, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T (bên A) và Doanh nghiệp tư nhân N (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B – bên B) đã tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TT-HV (bổ sung Hợp đồng số 14). Theo đó, bên B sẽ bán và vận chuyển mặt hàng vật liệu xây dựng cho bên A mua để thi công gói thầu số 6 "Xây dựng đoạn Km446-Km454+500, dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL37 (GDD2) đoạn Gia Phù – Cò Nòi, tỉnh Sơn La.

Các bên phải thực hiện theo đúng thỏa thuận tại khoản 3.3 Điều 3 Hợp đồng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016 về thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T nhiều lần chậm trễ việc thanh toán các khoản công nợ hàng tháng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B. Do đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T phải thanh toán số tiền nợ gốc (theo bảng đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh ngày 31/10/2016) và tiền lãi theo lãi suất pháp luật quy định khi phát sinh tranh chấp từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/8/2017 (theo bản tự khai ngày 20/9/2017).

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B: buộc bị đơn Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016, thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B tổng số tiền gốc và tiền lãi (lãi tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày

30/8/2017) là 1.903.454.265,25 đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy hai mươi lăm đồng).

- Xét giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B và Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T:

Căn cứ Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TT-HV ngày 20/3/2016 (bổ sung hợp đồng mua bán số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016) thì việc hai bên có giao dịch mua bán hàng hóa (vật liệu xây dựng) là có thật.

Việc mua bán và giao kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B và Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh khi các bên ký kết hợp đồng, trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo đã ghi rõ hàng hóa, khối lượng, đơn giá, giao nhận hàng, thanh toán, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán và trách nhiệm thực hiện của các bên; hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa tuân thủ đúng quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Vì vậy, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T phải có nghĩa vụ đối với giao dịch thương mại do mình thực hiện là thanh toán tiền mua hàng hóa đúng theo điều khoản trong hợp đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B, căn cứ Điều 428, Điều 431, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.728.448.822 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng):

Căn cứ các tài tài liệu có trong hồ sơ:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001344 ngày 29/4/2016, số 0001353 ngày 05/05/2016, số 0001371 ngày 21/5/2016, số 0001375 ngày 23/5/2015, số 0001385 ngày 02/6/2016, số 0001390 ngày 06/6/2016, số 0001395 ngày 11/6/2016, số 0001396 ngày 13/6/2016, số 0001398 ngày 15/6/2016, số 0001404 ngày 05/7/2016, số 0001413 ngày 19/7/2016, số 0001439 ngày 19/8/2016, số 0001469 ngày 29/9/2016, số 0001478 ngày 11/10/2016;

+ Biên bản nghiệm thu từ số 01 - 07/2016/TT-HV ngày 05/5/2016, 02/6/2016, 28/6/2016, 01/8/2016, 01/9/2016, 01/10/2016, 31/10/2016;

+ Bảng kê chi tiết khối lượng cung cấp vật liệu từ ngày 25/3/2016 - ngày 30/4/2016; từ ngày 01/5/2016 - ngày 31/5/2016; từ ngày 01/7/2016 - ngày 31/7/2016; từ ngày 01/8/2016 - ngày 31/8/2016; từ ngày 01/9/2016 - ngày 30/9/2016; từ ngày 01/10/2016 - ngày 31/10/2016;

+ Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ;

+ Bảng đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh tháng 4/2016; tháng 5/2016; tháng 6/2016; tháng 7/2016; tháng 8/2016; tháng 9/2016; tháng 10/2016.

Xét thấy, kể từ khi ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016 và Phụ lục hợp đồng kèm theo, bên bán

Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân N) đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng và chứng từ liên quan, cung cấp vật liệu theo thỏa thuận,...theo quy định tại Điều 34, 35, 37 Luật Thương mại năm 2006; tuy nhiên, bên mua Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình theo thỏa thuận tại Hợp đồng, vi phạm quy định về nghĩa vụ thanh toán tại Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Sau khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 14/HĐMB/TT-HV, Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật T thanh toán số tiền còn nợ, Công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật T đã có Công văn số 22/2016/CV ngày 30/6/2016 và Công văn số 01/1512/2016-CV/TT ngày 15/12/2016 về việc thông báo kế hoạch thanh toán công nợ song đến nay vẫn chưa thanh toán được cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B.

Cụ thể, số công nợ gốc Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T vẫn chưa thanh toán được cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B là 1.728.448.822 đồng (căn cứ Bảng đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh ngày 31/10/2016). Đến nay, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T vẫn chưa tiếp tục thanh toán được khoản tiền gốc nào cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B về việc yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T trả số tiền gốc còn nợ là 1.728.448.822 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) là có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/8/2017 theo lãi suất pháp luật quy định khi phát sinh tranh chấp là 1,125%/tháng/tổng số tiền nợ (không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định) là 175.005.443,25 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm linh năm nghìn bốn trăm bốn mươi ba phẩy hai mươi lăm đồng).

+ Về thời hạn tính lãi suất: Căn cứ thỏa thuận tại mục 3.3, điều 3 Hợp đồng số 14/HĐMB/TT-HV: "Bên A sẽ thanh toán chi Bên B 100% giá trị hoàn thành từng đợt (1 tháng) vào ngày 30 của tháng kế tiếp". Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B và Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T có văn bản xác định công nợ phát sinh cuối cùng vào ngày 31/10/2016. Đến nay, Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T vẫn chưa thanh toán được cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B từ thời điểm 30/11/2016 và đề nghị tạm tính lãi đến ngày 30/8/2017 (09 tháng) là có căn cứ chấp nhận.

+ Về mức lãi suất: Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B và Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T tự nguyện thỏa thuận tại mục 4.1, điều 4 Hợp đồng số 14/HĐMB/TT-HV về mức lãi suất "bên A phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho bên B và chịu lãi suất trả chậm cho bên B theo mức lãi suất là

0,05%/ngày/tổng số tiền nợ". Theo đó, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng (01 tháng = 30 ngày).

Song, khi có tranh chấp xảy ra, mức lãi suất tối đa mà Toà án chấp nhận không được vượt quá "150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng", căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005.

Lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 Ngân hàng nhà nước: "Quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm" (0,75%/tháng).

Tại bản tự khai ngày 20/9/2017 và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B nhất trí đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất theo pháp luật quy định khi phát sinh tranh chấp là 1,125%.

Do vậy, Tòa án chấp nhận áp dụng mức lãi suất không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là: 1,125%/tháng/số tiền gốc là 1.728.448.822 đồng. Cụ thể:

1.728.448.822 đồng x 1,125% = 19.445.049,25 đồng/tháng tiền lãi;

19.445.049,25 đồng x 9 tháng = 175.005.443,25 đồng.

Tổng số tiền lãi: 175.005.443,25 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm linh năm nghìn bốn trăm bốn mươi ba phẩy hai mươi lăm đồng).

Tổng số tiền gốc và tiền lãi (lãi tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/8/2017) là: 1.903.454.265,25 đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy hai mươi lăm đồng).

Do đó, cần buộc Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 14/HĐMB/TT-HV ngày 20/3/2016, thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B số tiền gốc là 1.728.448.822 đồng và tiền lãi là 175.005.443,25 đồng; tổng số tiền gốc và tiền lãi (lãi tính đến ngày 30/8/2017) là 1.903.454.265,25 đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy hai mươi lăm đồng).

[6] Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 428, Điều 431, Điều 438, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 50, Điều 55, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B số tiền gốc là 1.728.448.822 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) và số tiền lãi (tính đến ngày 30/8/2017) là 175.005.443,25 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm linh năm nghìn bốn trăm bốn mươi ba phẩy hai mươi lăm đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi (tính đến ngày 30/8/2017) là: 1.903.454.265,25 đồng (một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nợ trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ.

2. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật T phải chịu 69.103.627,958 đồng (sáu mươi chín triệu một trăm linh ba nghìn sáu trăm hai mươi bảy phẩy chín trăm năm mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển B số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.000.000,đ (hai mươi triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04509 ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Nghĩa